

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC TSP**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC TSP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TSP TRADING COOPERATION.,JSC

Tên công ty viết tắt: TSP HUMAN DEVELOPMENT AND TRADING COOPERATION JOINT STOCK COMPANY

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108731622

**3. Ngày thành lập:** 08/05/2019

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 46, thôn Văn Quán, Xã Đỗ Động, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968938729

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài<br>- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                    | 7830(Chính) |
| 2.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                       | 8532        |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                 | 8560        |
| 4.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy máy tính;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng. | 8559        |
| 5.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                          | 7911        |
| 6.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                   | 7912        |
| 7.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                     | 7990        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                | 5229        |
| 9.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                               | 5510        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                               | 5610        |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm đấu giá hàng hóa)                                                                                               | 4610        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                            | 7020        |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                     | 4931        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                     | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 680.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ HỒNG       | Thôn Việt Yên, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 61.200     | 612.000.000           | 9,000     | 0361790069<br>26                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 61.200     | 612.000.000           | 9,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN THANH SƠN    | Khu 5, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 136.000    | 1.360.000.000         | 20,000    | 131152804                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 136.000    | 1.360.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THANH PHƯƠNG | Thôn Dương Liễu, Xã Minh Tân, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 142.800    | 1.428.000.000         | 21,000    | 151314545                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 142.800    | 1.428.000.000         | 21,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN ĐẠI DƯƠNG    | Tổ 6, khu 7, Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 204.000    | 2.040.000.000         | 30,000    | B8756277                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 204.000    | 2.040.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | VŨ ĐÌNH THÂN      | Thôn Bùi, Thị trấn Thứa, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 136.000    | 1.360.000.000         | 20,000    | 125108344                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 136.000    | 1.360.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN THANH SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/02/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *131152804*

Ngày cấp: *25/02/2017*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 5, Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Yên Xá, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội